

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 12 năm 2021

## NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ  
dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ BẢY

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của  
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức  
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành  
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân  
sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách  
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân  
tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

**Điều 2.** Định mức này được áp dụng từ năm ngân sách 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**

**Đoàn Thị Hậu**

**QUY ĐỊNH**  
**VỀ NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN**  
**CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18 /2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng với cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương**

**1.** Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024, Kế hoạch tài chính 05 năm 2021- 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh; góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới của tỉnh cũng như của các cơ quan, đơn vị và từng cấp ngân sách theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và địa phương.

**2.** Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; phân đầu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị, các huyện, thành phố.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm thực hiện các chính sách an sinh xã hội, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước; bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán; dự toán chi thường xuyên có mức tăng hợp lý so với dự toán năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh phê duyệt.

5. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và đảm bảo tính đủ mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

6. Tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra và giám sát; sử dụng các tiêu chí chính kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế và đặc thù từng địa phương.

## **Chương II**

### **TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN**

#### **Điều 3. Định mức phân bổ chi Sự nghiệp giáo dục**

##### **1. Cấp tỉnh**

a) Định mức chi sự nghiệp giáo dục cho các Trường trung học phổ thông, Trường phổ thông Dân tộc nội trú, Trung tâm Giáo dục thường xuyên thuộc cấp tỉnh quản lý, đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa là 84%; chi khác tối thiểu là 16%.

Đối với Trường phổ thông Dân tộc nội trú và Trường trung học phổ thông chuyên Chu Văn An được đảm bảo thêm nhiệm vụ sau:

- Trường phổ thông Dân tộc nội trú được phân bổ thêm theo số học sinh để đảm bảo các chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Cụ thể định mức: 4 triệu đồng/học sinh/năm.

Đối với chế độ chi học bổng học sinh dân tộc nội trú được đảm bảo theo quy định của Nhà nước.

- Trường trung học phổ thông chuyên Chu Văn An: được phân bổ thêm 5 triệu đồng/học sinh/năm (đối với học sinh chuyên theo chỉ tiêu hàng năm được giao) để đảm bảo chi học bổng, chi bồi dưỡng đội tuyển, bồi dưỡng và khen

thường học sinh giỏi, chi tham quan, học tập và nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

#### b) Sự nghiệp giáo dục khác

Gồm các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực của ngành.

Chi sự nghiệp giáo dục khác ở cấp tỉnh được quản lý thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **2. Huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện)**

- Định mức đảm bảo đủ lương, phụ cấp lương, các khoản có tính chất lương được xác định như sau: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: đảm bảo cơ cấu chi lương và các khoản có tính chất lương tối đa 86%, chi ngoài lương tối thiểu 14%.

- Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí cho Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố từ nguồn sự nghiệp giáo dục để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chung thuộc lĩnh vực ngành trên địa bàn, mức phân bổ 1.000 triệu đồng/huyện, thành phố/năm.

### **3. Xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã)**

- Ngân sách nhà nước đảm bảo chế độ phụ cấp cho Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã theo Quyết định của UBND tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường, thị trấn:

+ Xã thuộc khu vực I: 20 triệu đồng/xã/năm.

+ Xã thuộc khu vực II, III: 25 triệu đồng/xã/năm.

4. Ngoài mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nêu trên, ngân sách dành ra khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác của ngành giáo dục. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho từng đơn vị.

5. Các nội dung không trong định mức phân bổ, thực hiện giao trong dự toán hằng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định của cơ quan có thẩm quyền như: chính sách phát triển giáo dục Mầm non; chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; chính sách hỗ trợ học sinh và Trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập...

## **Điều 4. Định mức phân bổ chi Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

### **1. Cấp tỉnh**

a) Đối với các Trường Cao đẳng

- Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng Sư phạm:

Đảm bảo cơ cấu chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa 82%, chi ngoài lương tối thiểu 18% (chưa kể nguồn thu học phí).

- Đối với Trường Cao đẳng Nghề:

+ Đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương.

+ Chi khác tính theo học sinh: 4,6 triệu đồng/học sinh/năm.

- Đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các nội dung không trong định mức phân bổ, giao trong dự toán hằng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định của cơ quan có thẩm quyền như: chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên...

b) Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ

Định mức đảm bảo cơ cấu chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa 82%; chi khác ngoài lương tối thiểu 18%.

c) Ngoài kinh phí theo định mức nêu trên, hàng năm ngân sách còn dành ra khoản kinh phí để thực hiện các Chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của tỉnh; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất khác không quy định theo định mức.

## 2. Cấp huyện

Định mức chi sự nghiệp đào tạo của các huyện, thành phố đảm bảo cho các nhiệm vụ bồi dưỡng chính trị, cụ thể: định mức chi đảm bảo cơ cấu chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương; chi khác ngoài lương 37 triệu đồng/biên chế/năm (chưa kể việc đảm nhận giảng dạy các lớp đào tạo theo Chương trình, Đề án...).

### Điều 5. Định mức phân bổ chi Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

1. Đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bao gồm cả phụ cấp cho y tế thôn bản; chế độ ưu đãi nghề theo văn bản quy định; chế độ chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ...).

#### 2. Định mức chi khác

a) Định mức chi chữa bệnh

- Các đơn vị tuyến tỉnh: định mức tính theo số giường bệnh được giao:

*Đơn vị: Triệu đồng/giường bệnh/năm.*

Nội dung	Định mức
Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Y học cổ truyền	20
Bệnh viện Phổi	22

- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố: định mức tính theo giường bệnh được giao: 18 triệu đồng/giường bệnh/năm.

Riêng Phòng khám đa khoa khu vực: 12 triệu đồng/giường bệnh/năm.

b) Định mức chi phòng bệnh

- Các đơn vị tuyến tỉnh: chi khác tính theo định mức biên chế:

*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm*

Nội dung	Định mức
Dưới 21 biên chế	27
Từ 21 đến 40 biên chế	26
Từ 41 đến 60 biên chế	24
Trên 60 biên chế	22

- Trung tâm Y tế cấp huyện, thành phố:

+ Định mức chi phòng bệnh áp dụng cho các đối tượng có chức năng thực hiện công tác phòng bệnh, dân số, kế hoạch hóa gia đình, an toàn thực phẩm: chi khác tính theo biên chế, định mức 26 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Đối với nhiệm vụ duy trì và nâng cao thành quả các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số, phân bổ theo tiêu chí dân số với định mức: 5.000 đồng/người/năm.

c) Hỗ trợ Trạm y tế xã:

Ngoài lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, phân bổ cho Trạm y tế xã đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã theo quy định, cụ thể như sau:

- Trạm y tế xã thuộc vùng khó khăn: 100 triệu đồng/trạm/năm.

- Trạm y tế xã thuộc vùng còn lại: 80 triệu đồng/trạm/năm.

*(Định mức tại khoản 1, 2 nêu trên chưa kể nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh).*

d) Phân bổ hỗ trợ cho các huyện, thành phố kinh phí thực hiện sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật dụng y tế... thuộc cấp huyện quản lý:

- Trung tâm Y tế thành phố: 400 triệu đồng.

- Trung tâm Y tế các huyện: 700 triệu đồng.

đ) Ngoài mức phân bổ chi sự nghiệp y tế như nêu trên ngân sách dành ra khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác của ngành y tế... Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho đơn vị.

e) Các nội dung không trong định mức phân bổ, giao trong dự toán hằng năm, kinh phí ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế gồm: kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định (người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đã hiến bộ phận cơ thể

người theo quy định của pháp luật; bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên; bảo hiểm y tế các đối tượng bảo trợ xã hội...), kinh phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

## **Điều 6. Định mức phân bổ chi Quản lý hành chính**

### **1. Đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh**

a) Định mức chi đảm bảo phục vụ hoạt động được tính theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao để phân bổ và có tính đến yếu tố biên chế được giao cao, thấp giữa các đơn vị để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi. Cách tính định mức đảm bảo chi theo phương pháp lũy tiến biên chế, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm.*

Nội dung	Định mức
<b>Các đơn vị Quản lý nhà nước (Sở, ngành cấp tỉnh), Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội</b>	
Dưới 21 biên chế	36
Từ 21 đến 40 biên chế	34
Từ 41 đến 60 biên chế	32
Trên 60 biên chế	31
<b>Các đơn vị trực thuộc các Sở, ngành (Đơn vị dự toán cấp 2, 3)</b>	
Dưới 21 biên chế	32
Từ 21 đến 40 biên chế	30
Từ 41 đến 60 biên chế	28
Trên 60 biên chế	27
<b>Khối Đảng cấp tỉnh</b>	<b>40</b>

b) Định mức phân bổ tại điểm a nêu trên đảm bảo chi các nội dung sau:

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan (phúc lợi tập thể, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan...).

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm (chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát...).

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

c) Định mức phân bổ tại điểm a nêu trên không bao gồm:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương.
- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các Sở, ngành, đơn vị; chi hoạt động của các Ban Chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành; các Kế hoạch, Đề án của tỉnh; chi mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước mới được bổ sung biên chế; chi sửa chữa lớn trụ sở và phương tiện.

- Các khoản đặc thù mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các cơ quan có nhiệm vụ đặc thù như các cơ quan thuộc khối Đảng, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, tùy theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm, được xem xét bổ sung hỗ trợ một phần kinh phí để đảm bảo hoạt động.

d) Đối với Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban của Đảng:

- Tiền nhuận bút báo Đảng được bố trí theo quy định hiện hành hằng năm tại Sự nghiệp văn hóa.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của các cơ quan khối Đảng theo quy định và các nhiệm vụ do Thường trực Tỉnh ủy quyết định bổ sung.

đ) Đối với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh:

Được đảm bảo cân đối ngân sách để thực hiện chế độ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Lạng Sơn và các chế độ, nhiệm vụ chi hoạt động khác của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh theo quy định. Đảm bảo phụ cấp đại biểu HĐND tỉnh theo quy định hiện hành.

e) Chi Quản lý Hành chính khác

Hàng năm ngân sách dành khoản kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cụ thể, sẽ tính toán bổ sung cho đơn vị ngoài định mức được phân bổ theo biên chế nêu trên từ nguồn này để đơn vị triển khai thực hiện.

## 2. Cấp huyện

a) Định mức phân bổ chi thường xuyên được tính trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Định mức chi quản lý hành chính không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương.

*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm.*

Đơn vị	Định mức
Cơ quan Đảng (Huyện ủy)	37
Cơ quan Quản lý Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội	34

b) Ngoài định mức trên, mỗi huyện, thành phố còn được bổ sung thêm kinh phí để đảm bảo hoạt động của các đơn vị cấp huyện có tính đến nhiệm vụ

của các cơ quan hành chính nhà nước tổng hợp và các cơ quan có nhiệm vụ đặc thù; thực hiện các chế độ quy định theo phân cấp như: chế độ hoạt động cấp ủy; chế độ thăm hỏi của Mặt trận Tổ quốc... và các nhiệm vụ khác phát sinh trên địa bàn huyện, thành phố. Định mức phân bổ được tính theo dân số, cụ thể:

- Huyện, thành phố dưới 70.000 dân được hỗ trợ 2.700 triệu đồng/huyện/năm.

- Huyện, thành phố từ 70.000 dân trở lên được hỗ trợ 3.000 triệu đồng/huyện/năm.

### **3. Cấp xã**

#### **a) Cán bộ, công chức xã:**

- Đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương đối với cán bộ công chức cấp xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Đảm bảo trợ cấp cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước.

- Chi khác: định mức chi khác tính theo đơn vị hành chính cấp xã, có phân theo xã loại 1, 2, 3, cụ thể:

+ Xã loại 1: 500 triệu đồng/xã/năm.

+ Xã loại 2: 450 triệu đồng/xã/năm.

+ Xã loại 3: 400 triệu đồng/xã/năm.

#### **b) Người hoạt động không chuyên trách:**

Đảm bảo phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 30/3/2020 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức phụ cấp chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

#### **c) Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ:**

- Kinh phí khoán hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 30/3/2020 của HĐND tỉnh.

- Kinh phí khoán hoạt động của thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 30/3/2020 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức phụ cấp chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Đảm bảo các chế độ:

+ Hỗ trợ đảm bảo chế độ chi hoạt động công tác Đảng các cấp theo Quyết định 99 - QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

+ Hỗ trợ kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh: mức 5 triệu đồng/ban/xã;

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính với mức 2,5 triệu đồng/thôn/năm;

+ Kinh phí theo Nghị quyết số 05/2018/NQ - HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

#### **4. Đối với hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP**

Ngân sách đảm bảo tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo quy định; hỗ trợ chi khác 10 triệu đồng/người/năm.

### **Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin**

#### **1. Cấp tỉnh**

a) Đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế, cách tính định mức đảm bảo chi theo phương pháp lũy tiến biên chế, cụ thể:

*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm*

Nội dung	Định mức
Dưới 21 biên chế	23
Từ 21 đến 40 biên chế	22
Từ 41 đến 60 biên chế	21
Trên 60 biên chế	20

b) Đối với hoạt động sự nghiệp

- Chi chiếu phim phục vụ tại vùng đặc biệt khó khăn và chiếu phim nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ trong năm, mức chi căn cứ chỉ tiêu kế hoạch giao về số buổi chiếu bóng lưu động và đơn giá 01 buổi chiếu theo quy định.

- Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh ngoài định mức phân bổ trên, được bổ sung thêm: 10 triệu đồng/buổi biểu diễn tại các xã vùng sâu, vùng xa (vùng III) để hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn theo Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

- Chi nhuận bút cho các cơ quan báo chí: Báo Lạng Sơn, Tạp chí xứ Lạng, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Hỗ trợ hoạt động của Trung tâm Văn hóa nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa thông tin tỉnh, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh... và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do tỉnh giao.

- Chi hỗ trợ in ấn bản phẩm cho Hội Văn học nghệ thuật, chi tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn, lễ đón giao thừa hàng năm; kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; chi hoạt động nghiệp vụ văn hóa khác...

- Hỗ trợ Chi sự nghiệp gia đình.

*(Định mức chi tại điểm a, b nêu trên chưa bao gồm nguồn thu sự nghiệp).*

## **2. Cấp huyện**

- Đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế: 21 triệu đồng/biên chế/năm.

- Ngoài ra bổ sung các hoạt động văn hoá, xã hội mỗi huyện là 80 triệu đồng/năm; thành phố 200 triệu đồng/năm, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, chế độ chính sách do Nhà nước ban hành trong lĩnh vực văn hoá.

- Đối với các hoạt động văn hoá khác tại cơ sở: căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện, thành phố để phân bổ thêm 12 triệu đồng/xã/năm cho các hoạt động văn hoá khác.

*(Định mức chi nêu trên chưa bao gồm nguồn thu sự nghiệp).*

## **3. Cấp xã**

Định mức phân bổ cho mỗi xã, phường, thị trấn là 20 triệu đồng/năm (trong đó chi cho Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá mỗi xã, phường, thị trấn là 2 triệu đồng/năm theo Thông tư 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch).

## **Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**

### **1. Cấp tỉnh**

- Đảm bảo lương, phụ cấp các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế, cách tính định mức đảm bảo chi theo phương pháp lũy tiến biên chế, cụ thể:

*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm*

Nội dung	Định mức
Dưới 21 biên chế	23
Từ 21 đến 40 biên chế	22
Từ 41 đến 60 biên chế	21
Trên 60 biên chế	20

Định mức trên đã đảm bảo chi thường xuyên của đơn vị (chưa bao gồm kinh phí chi trả nhuận bút theo quy định hiện hành tại Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27/12/2015 của UBND tỉnh ban hành chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, Bản tin, Đài Truyền thanh truyền hình các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã được bố trí chi ở sự nghiệp văn hóa khác và chưa tính nguồn thu từ quảng cáo truyền hình và các nguồn thu khác theo quy định).

*(Định mức chi nêu trên chưa bao gồm nguồn thu sự nghiệp).*

## **2. Cấp huyện**

- Đảm bảo lương, phụ cấp các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế: 21 triệu đồng/biên chế/năm.

- Ngoài ra bổ sung kinh phí cho Trạm phát thanh trên địa bàn các xã: 60 triệu đồng/trạm/năm.

Định mức đối các huyện, thành phố nêu trên đảm bảo các hoạt động chuyên môn của lĩnh vực truyền thanh, truyền hình và của Trạm phát thanh, tiền nhuận bút theo quy định hiện hành.

*(Định mức chi nêu trên chưa bao gồm nguồn thu sự nghiệp).*

## **Điều 9. Định mức phân bổ chi Sự nghiệp thể dục, thể thao**

### **1. Cấp tỉnh**

a) Định mức phân bổ chi bộ máy

Đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế, cách tính định mức đảm bảo chi theo phương pháp lũy tiến biên chế, cụ thể:

*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm*

Nội dung	Định mức
Dưới 21 biên chế	23
Từ 21 đến 40 biên chế	22
Từ 41 đến 60 biên chế	21

Trên 60 biên chế	20
------------------	----

b) Hoạt động sự nghiệp

- Kinh phí tổ chức và tham gia các Đại hội thể thao, các giải thi đấu thể thao trong tỉnh, các giải khu vực, toàn quốc và các hoạt động thể dục, thể thao khác theo chỉ tiêu được giao và khả năng ngân sách của tỉnh.

- Kinh phí đào tạo vận động viên cấp tỉnh 45 triệu đồng/người/năm.

- Kinh phí đào tạo vận động viên đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 21 triệu đồng/người/năm.

*(Định mức chi tại điểm a, b nêu trên chưa bao gồm nguồn thu sự nghiệp).*

**2. Cấp huyện**

- Đảm bảo lương, phụ cấp các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế: 21 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đối với các hoạt động thể dục, thể thao cơ sở: căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện, thành phố để phân bổ với mức 12 triệu đồng/xã/năm đảm bảo các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn.

*(Định mức chi nêu trên chưa bao gồm nguồn thu sự nghiệp).*

**3. Cấp xã:** hoạt động thể dục, thể thao mang tính chất phong trào kết hợp giữa nhà nước và sự đóng góp của nhân dân. Do vậy tiêu chí phân bổ theo đơn vị hành chính cấp xã, mức hỗ trợ mỗi xã, phường, thị trấn là 12 triệu đồng/xã/năm.

**Điều 10. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội**

**1. Cấp tỉnh**

a) Định mức phân bổ chi bộ máy

Đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế, cách tính định mức đảm bảo chi theo phương pháp lũy tiến biên chế:

*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm*

Nội dung	Định mức
Dưới 21 biên chế	23
Từ 21 đến 40 biên chế	22
Từ 41 đến 60 biên chế	21

b) Sự nghiệp đảm bảo xã hội

- Đảm bảo chi theo quy định hiện hành cho các đối tượng chính sách, thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh (bao gồm kinh phí hỗ trợ các Cơ sở bảo trợ công lập do địa phương quản lý).

- Chi các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo nhiệm vụ được giao thuộc cấp tỉnh.

## **2. Cấp huyện**

- Kinh phí cho các gia đình thuộc diện chính sách như: Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ (trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân); thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, người có công giúp đỡ cách mạng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày đang hưởng trợ cấp hàng tháng, được thăm hỏi, động viên 2 lần (dịp 27/7 và Tết cổ truyền)/năm, mức quà tặng trị giá: 600.000 đồng/gia đình/lần.

- Bố trí kinh phí đảm bảo xã hội khác: ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ trong công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ các đối tượng cứu trợ xã hội đột xuất, cứu đói hàng năm do thiên tai mất mùa, hỗ trợ các gia đình bị thiên tai như cháy nhà, nhà bị sập hoặc mưa lũ cuốn trôi,... căn cứ vào thực tế các đối tượng phát sinh trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn ngân sách để hỗ trợ.

- Các nội dung không trong định mức phân bổ, giao trong dự toán hằng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm: kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; kinh phí người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi; các chế độ chính sách đảm bảo xã hội khác theo quy định.

## **3. Cấp xã**

Hỗ trợ kinh phí trợ cấp và cứu tế xã hội, mỗi đơn vị hành chính cấp xã 10 triệu đồng/năm.

### **Điều 11. Định mức phân bổ chi quốc phòng**

1. Ngân sách đảm bảo nhiệm vụ chi được phân cấp tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã cho các nhiệm vụ quốc phòng theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Trong đó hỗ trợ huyện, thành phố:

- Hỗ trợ các huyện, thành phố đảm bảo nhiệm vụ chi theo phân cấp: 400 triệu đồng/huyện/năm.

- Hỗ trợ thêm theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người/năm.

2. Đảm bảo kinh phí thực hiện theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng Dự bị động viên.

### **Điều 12. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

1. Ngân sách đảm bảo nhiệm vụ chi được phân cấp tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã cho các nhiệm vụ an ninh theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đảm bảo thực hiện chế độ công an xã theo Pháp lệnh công an xã. Trong đó hỗ trợ huyện, thành phố:

- Hỗ trợ các huyện, thành phố đảm bảo nhiệm vụ chi theo phân cấp: 400 triệu đồng/huyện/năm.

- Hỗ trợ thêm theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người/năm.

2. Ngoài ra hỗ trợ bổ sung như sau:

- Hỗ trợ các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự với định mức phân bổ: 35 triệu đồng/xã/năm.

- Kinh phí chi trả phụ cấp cho lực lượng Công an viên bán chuyên trách.

### **Điều 13. Định mức hỗ trợ quốc phòng, an ninh các huyện biên giới**

1. Ngoài định mức phân bổ tại Điều 11, Điều 12 trên, các huyện biên giới được phân bổ thêm 400 triệu đồng/huyện/năm.

2. Chi quốc phòng được phân bổ thêm theo số xã biên giới và số km đường biên giới:

- Hỗ trợ theo số xã biên giới: 120 triệu đồng/xã/năm.

- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo số km đường biên giới với định mức: 5 triệu đồng/km đường biên giới/năm.

3. Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội được phân bổ thêm theo số xã biên giới và số km đường biên giới:

- Hỗ trợ theo số xã biên giới: 120 triệu đồng/xã/năm.

- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo số km đường biên giới, định mức: 5 triệu đồng/km đường biên giới/năm.

### **Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**

#### **1. Cấp tỉnh**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ không quy định mức phân bổ cụ thể; căn cứ mức kinh phí Trung ương bố trí cho địa phương sẽ thực hiện phân bổ kinh phí cho các đơn vị thực hiện. Nội dung chi theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

## 2. Cấp huyện

Căn cứ nhu cầu của các huyện, thành phố để bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi khoa học công nghệ theo phân cấp nhiệm vụ chi.

### **Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác**

#### 1. Đối với sự nghiệp khác cấp tỉnh

Định mức phân bổ chi bộ máy: đảm bảo lương, các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế, cách tính định mức đảm bảo chi theo phương pháp lũy tiến biên chế:

*Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm*

Nội dung	Định mức
Dưới 21 biên chế	23
Từ 21 đến 40 biên chế	22
Từ 41 đến 60 biên chế	21
Trên 60 biên chế	20

*(Định mức chi nêu trên chưa bao gồm nguồn thu sự nghiệp).*

#### 2. Đối với sự nghiệp khác cấp huyện

Gồm chi cho Trung tâm Phát triển quỹ đất, Đội Quản lý trật tự đô thị, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp: đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương; chi khác tính theo định mức biên chế: 21 triệu đồng/biên chế/năm.

*(Định mức chi nêu trên chưa bao gồm nguồn thu sự nghiệp).*

#### 3. Định mức phân bổ chi Sự nghiệp kinh tế

a) Chi sự nghiệp giao thông cấp tỉnh:

- Chi sửa chữa thường xuyên đối với đường tỉnh, đường tránh Quốc lộ 4A, đường nội bộ khu vực cửa khẩu và khu chức năng thuộc Khu kinh tế cửa khẩu: mức chi 35 triệu đồng/km/năm.

- Chi sửa chữa đường tuần tra biên giới do cấp tỉnh quản lý: mức chi 30 triệu đồng/km/năm.

b) Chi sự nghiệp giao thông cấp huyện:

- Chi sửa chữa thường xuyên đường huyện, đường đô thị: mức chi 28 triệu đồng/km/năm.

- Chi sửa chữa hệ thống cầu trên đường giao thông nông thôn, gồm cầu dàn thép, cầu dầm bê tông cốt thép, cầu treo dân sinh: mức chi 01 triệu đồng/mét/năm.

c) Chi sự nghiệp giao thông cấp xã: chi sửa chữa thường xuyên đường giao thông nông thôn do cấp xã quản lý: mức chi 3,5 triệu đồng/km/năm.

d) Đối với chi sửa chữa định kỳ đường tỉnh, huyện quản lý, đường tuần tra biên giới, đường Quốc lộ tỉnh quản lý...: căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, Sở Giao thông Vận tải xây dựng dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền giao các đơn vị và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện.

đ) Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính

Kinh phí phân bổ cho các đô thị:

- Đô thị loại II: 65.000 triệu đồng/đô thị/năm.
- Đô thị loại IV: 13.000 triệu đồng/đô thị/năm.
- Đô thị loại V: 5.000 triệu đồng/đô thị/năm.

e) Các khoản chi sự nghiệp kinh tế khác còn lại

Chi sự nghiệp kinh tế và các sự nghiệp khác còn lại, gồm: sự nghiệp nông, lâm nghiệp; thủy lợi, thủy sản; tài nguyên và sự nghiệp kinh tế khác không có định mức cụ thể: căn cứ theo chỉ tiêu kế hoạch giao của tỉnh, chế độ quy định hiện hành, hằng năm bố trí chi phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

g) Các nội dung không trong định mức phân bổ, giao trong dự toán hằng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm: kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa.

### **Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường**

Căn cứ nguồn kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của Trung ương phân bổ và tình hình thực tế sự nghiệp bảo vệ môi trường của toàn tỉnh, được thực hiện như sau:

#### **1. Cấp tỉnh**

Thực hiện chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của cấp tỉnh gồm: chi cho công tác điều tra cơ bản môi trường; chi xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; thuốc bảo vệ thực vật, xử lý chất thải; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường; giám sát xả thải các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm; hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học...

#### **2. Cấp huyện**

- Chi cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường; trên cơ sở khối lượng, nhiệm vụ được giao thực hiện trong năm và căn cứ đơn giá chi sự nghiệp môi trường phân bổ kinh phí hợp lý cho từng huyện, thành phố để thực hiện chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, công tác xử lý rác thải trên địa bàn... (không bao gồm khoản thu giá dịch vụ vệ sinh).

- Ngoài ra, căn cứ điều kiện thực tế ngân sách tỉnh hỗ trợ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của các huyện, thành phố đảm bảo công tác tuyên truyền các ngày về môi trường thế giới, ngày nước thế giới...

### **Điều 17. Định mức phân bổ chi khác của ngân sách địa phương**

1. Phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong dự toán ngân sách hàng năm.

2. Phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách huyện bằng 0,5% tổng chi thường xuyên của ngân sách huyện.

### **Điều 18. Dự phòng ngân sách**

Chi dự phòng: theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, mức chi dự phòng từ 2% - 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp. Trên cơ sở số Bộ Tài chính phân bổ cho tỉnh hàng năm, ngân sách các cấp đảm bảo chi dự phòng như sau:

- Ngân sách cấp tỉnh được phân bổ trên khả năng nguồn ngân sách, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong dự toán ngân sách hàng năm.
- Ngân sách cấp huyện được phân bổ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách huyện.

### **Điều 19. Một số điểm lưu ý**

1. Phân bổ kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên.

Hàng năm ngân sách tỉnh dành kinh phí phân bổ ngoài định mức chi thường xuyên cho các nội dung sau:

a) Hỗ trợ hoạt động của các Ban Chỉ đạo: mức hỗ trợ được tính cụ thể căn cứ vào nhiệm vụ chi, tính chất hoạt động của từng Ban Chỉ đạo để bổ sung thêm ngoài định mức thường xuyên cho các cơ quan được giao nhiệm vụ làm công tác thường trực.

b) Kinh phí Đại hội của các đoàn thể cấp tỉnh theo nhiệm kỳ; các nội dung phát sinh không thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan, đơn vị thực hiện trong năm.

c) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, kinh phí hoạt động do các tổ chức này tự đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức này nếu có những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước theo các nguyên tắc sau đây:

- Đối với các Hội đặc thù được giao biên chế, ngân sách nhà nước đảm bảo tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo biên chế được UBND tỉnh giao (Hội Văn học nghệ thuật, Liên minh các hợp tác xã, Hội Chữ thập đỏ, Hội Làm vườn, Hội Đông y, Hội Nhà báo của cấp tỉnh; Hội Đông y, Hội Chữ thập đỏ của cấp huyện); chi khác được tính theo định mức chi của đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí đối với các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND giao.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí để tổ chức Đại hội theo nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền đồng ý.

- Các tổ chức hội còn lại ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các hội cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ do tỉnh giao theo khả năng cân đối ngân sách.

d) Đối với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và quản lý hành chính theo quy định của Chính phủ, định mức phân bổ trên là khoản ngân sách đảm bảo, đơn vị tự chủ động bố trí chi hợp lý, đúng chính sách, chế độ và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ đã được đơn vị xây dựng theo quy định (trừ trường hợp chính sách chế độ thay đổi hoặc đơn vị được bổ sung nhiệm vụ mới).

đ) Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập: định mức phân bổ trên là khoản ngân sách đảm bảo đối với các đơn vị ngân sách đảm bảo 100%. Tùy theo từng tính chất, đặc thù, nhiệm vụ hoạt động và khả năng thu từ hoạt động sự nghiệp theo quy định của từng đơn vị, sẽ được tính toán cụ thể đảm bảo cân đối chi ngân sách bằng định mức chung đối với từng loại hình đơn vị.

2. Dân số của từng huyện, thành phố; hệ số trượt giá của chỉ số giá tiêu dùng được xác định theo số liệu của Cục Thống kê thông báo.

3. Xã, thôn thuộc vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã thuộc vùng khó khăn: được xác định theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đối với đơn vị hành chính cấp xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền thì thực hiện định mức bằng định mức của xã khu vực I.

4. Số người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo được xác định theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh (chuẩn nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

5. Đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 và hợp đồng khác theo quy định của pháp luật trong chỉ tiêu được UBND tỉnh giao: trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế của đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách sẽ xem xét hỗ trợ để giảm bớt khó khăn cho các đơn vị, các huyện thành phố với mức hỗ trợ bằng 50% nhu cầu kinh phí hàng năm của các đơn vị, các huyện, thành phố.

6. Đối với kinh phí thi đua khen thưởng: thực hiện theo quy định hiện hành, hàng năm căn cứ khả năng cân đối nguồn ngân sách, tỉnh sẽ hỗ trợ các đơn vị, các huyện, thành phố tại dự toán giao hàng năm.

7. Đối với nguồn thu phí theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỉ lệ phần trăm (%)

phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, trong đó tỉnh sẽ xem xét, hỗ trợ cho các đơn vị, các huyện, thành phố từng năm theo số tăng thu thực tế thực hiện.

8. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan quản lý cấp trên phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, trong đó phân rõ dự toán giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; hoặc tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

9. Hằng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách: ngân sách tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ cho các huyện, thành phố một phần kinh phí tùy theo khả năng của ngân sách tỉnh để giảm bớt khó khăn cho các huyện, thành phố./.